

CHI TÝ

Bóng chiều trôi đi rất chậm. Cái nóng phương Nam vào những ngày tháng sáu, mưa nắng dờ dang càng làm rôm xấy. Anh ngồi trước mặt tôi. Đầu dựa nghiêng trên thành ghế. Màu tóc bạc nhờ màu đất tháng năm miền Bắc nứt nẻ. Hơi thở chậm mệt qua hàm răng hình như đã rụng mất hai phần. Anh có phải là anh Điển của tôi? Của ngày xưa? Và trong cơn mê nửa thức... nửa ngủ. Lời nói mất còn: “cái Tý chết. Thằng người yêu của nó cũng chết. Chết hết. Trời chết. Đất chết. Chết hết chẳng còn gì”.

Mẹ tôi hiếm muộn chỉ sinh được có mình chị gái tôi. Mãi mười năm sau mẹ mới lại đẻ được tôi. Anh Điển, đứa con nuôi của mẹ tôi ở giữa khoảng thời gian ấy. Mà anh cũng chẳng ở đâu xa. Anh chính là con thứ hai

của u già Thiển. Sở dĩ chúng tôi gọi bà cụ Thiển là u già vì bà đã làm cho gia đình tôi từ lúc ông bà tôi có thầy tôi và các cô chú tôi. U là người chăm sóc hết người con này đến người con khác của bà tôi. Nên đến đời mẹ tôi, U trở thành một người thân thiết, gần như ruột thịt của gia đình. Nhất là khi U cho anh Điền làm con nuôi mẹ tôi khi mẹ tôi chưa có con trai. Nhưng trong thâm tâm và qua cử chỉ đối với gia đình tôi, U vẫn giữ một khoảng cách kẻ trên người dưới. Năm tôi lên tám. U đã hơn sáu mươi. Lưng U lúc đó hơi còng và làn da lốm đốm đồi mồi nhăn nheo như vỏ trái cam sành để héo. Chồng U mất vì sốt rét sau những ngày tháng lên mạn ngược làm rừng. Anh Thiển là con trai cả của U. Nên người ta lấy tên anh để gọi thay cho tên cha mẹ theo tục lệ ở quê tôi ngày xưa. Anh Điền thứ nhì và chị Tý là con út của U. Chị Tý hơn tôi năm tuổi. Trước kia, ngày nào chị cũng theo mẹ đến nhà tôi ở chập choạng tối mới cùng U về nhà. Nhưng từ ngày anh con cả của U, chán cảnh ruộng vườn bỏ đi lính khổ xanh ở Hải Phòng thì U và chị Tý vài hôm mới lại vào thăm bà tôi.

Từ đó, tôi ít được chơi cùng với chị. Hàng ngày tôi chỉ còn biết loanh quanh theo anh Điền. Nhưng anh nào

có nhiều thì giờ rảnh mà vẽ cho tôi trò này trò nọ. Công việc của anh đều đều như một cái máy đúng giờ đúng khắc. Mới sáng tinh mơ, anh đã dậy lên mở cửa căn nhà học, lau bụi, quét nhà, rồi pha sẵn một ấm trà ủ trong bình tích để bên cạnh bộ khay đựng chén trên bàn dạy học của ông tôi. Khi giờ học bắt đầu anh mới được rảnh rang. Nhưng anh cũng chẳng dám đi đâu xa sợ ông tôi có việc gì cần sai bảo.

Căn nhà học gồm ba gian hai trái nối với nhà khách thành hình chữ nhật. Phía sau là vườn chè thanh khiết êm đềm. Mỗi khi hoa chè nở có từng bầy chim khuyên kéo về gọi nhau riu rít lọt vào các khung cửa sổ chấn song của căn nhà học. Tôi tin rằng trong số học trò của ông tôi lúc đó cũng phải có vài anh đôi mắt say sưa nhìn ra. Sau này bà tôi kể. Ông tôi dạo ấy đi thi Hương hai lần chỉ đậu Tú tài. Thấy đường khoa cử lặn độn ông tôi không đi thi nữa và cho dựng căn nhà này lên để dạy học. Vì thế căn nhà này mới có tên là nhà học. Nơi đây chỉ có anh Điền là người ông giao trông nom cai quản. Còn đàn bà con gái không ai được bén mảng tới nơi này chứ đừng nói đến được bước chân vào trong. Căn nhà học với tôi dạo ấy, nó linh thiêng chẳng khác gì ngôi nhà thờ nằm cách nhà khách một vườn hoa cây

kiếng um tùm. Sau ngày ông tôi mất, Nhà học cửa đóng im lìm, trở nên một chốn biệt lập với mọi người trong gia đình. Chỉ có đến ngày làm giỗ ông tôi thì trước đó một ngày bà tôi mới sai anh Điển vào lau chùi chiếc án thư ông tôi ngồi dạy ngày xưa và quét dọn mànghen, bụi bặm ở trong phòng. Cảnh tượng im lìm hiu hắt tôi tưởng như tiếng bình văn đạo đó đã theo bầy chim khuyên ríu rít ở vườn chè bay đi hết cả rồi.

Sau ngày ông tôi mất. Bà tôi đau mắt nặng. Trước còn thấy mờ mờ. Sau vài tháng không còn nhìn thấy gì nữa. U già Thiển được mẹ tôi gọi tới để ngày ngày chăm sóc và trò chuyện cùng bà tôi đêm hôm vắng vẻ. Cũng từ đó công việc nhà dè nặng trên vai mẹ tôi. Thậm chí cả những ngày giỗ trọng, ngày Tết bên nhà mẹ tôi ở Cao Đà. Mẹ cũng chỉ biết sắm sửa lễ vật rồi sai anh Điển dẫn hai chị em tôi sang. Những lần được đi như thế là những kỷ niệm khó quên của đời tôi. Bởi vì nơi đây, tôi được bà ngoại tôi yêu chiều. Hình như tất cả tình thương đứa con gái lấy chồng xa ít khi gặp mặt nên bà ngoại tôi đã dồn hết cả cho chị em tôi. Chỉ biết rằng quãng ngày thơ ấu ấy tôi không bao giờ được gặp ông ngoại tôi. Có lần mẹ kể

ông tôi thi đậu cử nhân năm Thành Thái thứ mười hai. Lúc ấy ông đã ba mươi hai tuổi kể như là muộn nên ông tôi chỉ bảo bà tôi làm xôi gà tế cáo tổ tiên và ra cúng ở đình làng chứ không khao vọng gì cả. Khi mẹ tôi mười sáu tuổi thì ông tôi mất mang theo giấc mơ đứng dưới hiên rồng của người.

Quê ngoại của tôi tuy xa xăm mà lại rất gần trong tâm tưởng và nếu có những dòng sông tắm cả đời người thì cũng có những dòng sông tuy chỉ đôi lần thuyền ghé bến bước qua cũng vẫn để lại nỗi thương nỗi nhớ khôn nguôi. Đó là dòng sông Đại Hoàng tắm mát bãi ngô xanh cho tôi về quê mẹ. Giờ đã năm mươi năm, dòng sông ấy còn không hay đến phải ngậm ngùi như câu thơ cụ Tú Vị Xuyên “sông kia giờ đã nên đồng...” và dòng sông ấy có phải triều đại xưa là sông Hoàng Giang mà một lần xa giá trên bến nước này vua Lê Thánh Tôn nhìn thấy miếu thờ nàng Vũ Thị đã cảm xúc về tấm lòng chung thủy sắt son của người chinh phụ mà làm ra bài “Điếu Vũ nương” chẳng.

Ngày tháng trôi qua. Tôi theo chú lên tỉnh học. Nhưng chú tôi nay dạy ở thành Nam mai xa xăm phía Bắc. Rồi

Sơn Tây - Hà Nội. Đời tôi như du mục. Chỉ những lần tết đến hoặc hè sang mới lại được về quê. Cứ mỗi lần như thế, gặp lại chị Tý tôi cảm thấy chị Tý từ hình dáng đến nhan sắc mỗi khác. Tôi thích nhất là những buổi trưa hè, chị thường rủ tôi đến ngồi dựa vào chậu cảnh rất lớn trồng trà my của ông nội tôi thì thầm kể chuyện. Những lúc đó tôi thấy một mùi hương nhẹ nhàng vây quanh. Không biết đó có phải là mùi hương tóc chị, mùi da thịt dẫy thì hay là mùi hương trà my.

Và lần nghỉ tết cuối cùng về gặp chị. Tôi lại càng thấy chị khác xưa. Chị chững chạc, ít đùa nghịch với tôi. Chị không còn rủ tôi ngồi kể chuyện nữa. Bây giờ đôi má chị phớt hồng. Đôi vú nhú cao nằm căng dưới lớp áo nâu non nhạt nắng. Tôi không còn cái hạnh phúc trẻ thơ được ngồi nhìn đôi môi chị ríu rít như chim dưới chậu trà my và cũng chẳng còn đâu vây quanh tôi một mùi hương mơ hồ quyến rũ. Quả thật, trong đời người, cái hạnh phúc dù bé nhỏ cũng chỉ đến một lần.

Chiến tranh không ngờ lan nhanh quá.

Người thành thị đổ về thôn quê. Người thôn quê lại cùng người thành thị tản đi như bụi tẩm bay. Những

quê hương tạm bợ dài theo ngày tháng. Gia đình tôi cũng ở lớp người này. Nay ở làng Và Thượng mai Và Hạ rồi vào Bối Cầu. Quanh quẩn ở Hà Nam. Cả cái cơ ngơi nơi quê nhà mẹ tôi giao cho u Thiển và chị Tý trông coi vì u chẳng chịu chạy đi đâu.

Rồi bộ đội về làng. Rồi tình yêu nảy nở. Chị Tý quên hết những âu lo của chiến tranh rình rập. Và trong một đêm tình tự chị đã đem hết cái bóng cháy của tuổi thanh xuân trao cho người yêu mà không đắn đo ân hận.

Bộ đội ra đi. Làng lại hoang vắng không tiếng gà trưa, không cả tiếng chó sủa. Bụng chị Tý mỗi ngày một lớn. Chị vẫn vợ lo sợ, người gầy rạc. Và một đêm nằm ngủ bên mẹ, U Thiển đã khám phá ra cái kết quả của một tình yêu vụng trộm. Nước mắt tuổi già khô héo trên nỗi đau bào sỏi ruột gan của người mẹ. U lay chị dậy. Âm thanh xót xa xen tiếng nấc trong căn phòng không tiếng mối gặm cây.

U Thiển: Con ơi! Con làm thế này thì con giết mẹ đi còn hơn, mà thằng đó là thằng nào. Con nói cho mẹ biết để mẹ bảo người ta một tiếng người ta rước con về.

Thời buổi loạn ly này thì chẳng vẽ vời cưới xin gì cả. Nhưng cũng phải có tiếng nói với mẹ con ạ.

Chị Tý: Anh ấy không phải người làng mình. Anh ấy ở xa lắm. U cứ để mặc con.

U Thiển: Mặc là mặc làm sao. Nó ở đâu mẹ cũng tới được. Mình ăn nhờ ở đậu kể đã mấy đời. Mang tiếng mang tai cho gia đình cụ Tú. Mẹ làm sao còn dám nhìn mặt ai hở con? Mà rồi thằng ấy ở đâu?

Chị Tý: Thì con đã bảo u, anh ấy ở xa lắm. Mãi huyện Ý Yên cơ. Mà gia đình người ta cũng danh giá. Bố anh ấy làm chánh tổng. Anh ấy nói sẽ xin phép về cưới con.

U Thiển: Làm sao con một ông chánh tổng lại chịu cưới con. Không thể, không thể nào có chuyện đó đâu con ạ.

Đêm rồi bởi những dằn vặt, những đau thương, những hố sâu môn đăng hộ đối trong lòng U Thiển.

Đêm phủ lớp mộng mị xám xịt lên đời chị Tý.

Chiến tranh. Đợi chờ. Tan vỡ. Đất không đủ chỗ chôn người. Tình yêu của chị, của bao người chập choạng như những bóng ma trôi.

Và một buổi chiều trong cơn mưa lúc tạnh lúc đổ

xuống âm âm. Chị Tý lên vào gian đầu căn nhà học, chị buộc sợi dây thừng lên xà nhà. Chiếc ghế ông tôi ngày xưa ngồi chấm bài đổ hất ra sau. Chị đã cho đi và không bao giờ đòi lại tuổi thanh xuân.

Hôm sau, sáu cánh cửa căn nhà học được cụ Phó một xóm bên đóng vội vàng. Những đóm lửa chập chờn trong đêm đưa chị Tý ra bãi tha ma bên cạnh đình làng. Khu nhà mênh mông vắng lặng chỉ còn mình U Thiển đang gục xuống trước thềm nhà học. Tưởng như chỉ cần một cơn gió nhẹ thổi qua cũng có thể đem U đến một cõi xa xôi nào đó.

Rồi năm sau anh Điển đi bộ đội.

Rồi năm kế U Thiển mất.

Gia đình tôi từ nhà chú Tam ở Bối Cầu quay về Hà Nội.

Cũng từ đó tôi mất quê.

Hòa bình lập lại nửa vời. Anh Điển trở về. Cuộc sống của anh cứ mất mát vật vờ như bóng ma trong ngôi nhà tranh anh mới dựng trên nền đất cũ của U Thiển. Ngôi nhà ấy chợt có một ngày lại dẫm ướt mùi nhang khói. Ấy là hôm anh con trai cụ Chánh ở Ý Yên

sang, đang thần thờ ngời bên bát nhang sành thờ chị Tý. Cho đến lúc nhang tàn anh mới đứng dậy ra về.

Nơi bờ sông Đáy. Chỗ ngày xưa bộ đội vượt sang ào ào sóng vỗ đánh địch ở thành Nam. Giờ cũng lại một bóng ma vật vờ ra vào túp lều dựng ở ven sông. Có những buổi chiều nặng gió mang theo hơi nước mịt mù, người dân trong làng nghe tiếng gầm gừ như con thú tuyệt vọng kéo dài.

Một đêm, hình như cuối đông rét mặn, tiếng gầm rú ấy đã không còn, nó đã đem theo cái đau thương rùng rợn thời cải cách vào dòng sông vắng lặng.

Anh Diễm vẫn nghiêng đầu trên ghế trong bóng chiều chuyển sang màu máu đục. Một vài tia sáng rực lên chiếu hắt vào cây hoàng lan bé bỏng ở góc lan can. Những chiếc lá vốn đã úa vàng như thêm nặng xuống sắp rơi.

Và không biết là mơ hay tỉnh. Trong khoảng không gian rờn rợn ấy, tôi chợt thấy trong kẽ lá xanh một bông hoàng lan vừa hé nở. Hương thơm tỏa nhẹ. Tôi tưởng như lại thấy mùi hương tóc chị Tý dưới gốc trà my một buổi trưa hè.